TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272021/HS-ST
Ngày: 24/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC`

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Dung

2. Bà Trần Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1962, tại tỉnh Bình Định. Đăng ký Hộ khẩu thường trú: Số 102 lô FC/c NG, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Không rõ ràng. Tên gọi khác: Th. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê. Cha đã chết không rõ tên tuổi, mẹ tên Dương Thị H, sinh năm 1945, không rõ địa chỉ và nơi ở; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Ngày 03/10/2020, bị cáo bị Cơ quan điều tra bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt)
Trú tại: Tổ 8, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Hồ Văn H1, sinh năm 1986 (Có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (Có mặt)
Cùng trú tại: Tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Ông Lê Văn H, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp Sang E, xã E, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh
Tạm Trú tại: Tổ 6, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị Ngọc A là người làm thuê cho bà Trần Thị H, tại tổ 8, khu phố P, phường A, thị xã B với công việc là dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc mẹ của bà H đã già yếu. Thời gian gần đây mẹ bà H không còn sống chung, bà H đã giao cho Nguyễn Thị Ngọc A một chìa khóa cổng chính và một chìa khóa cổng phụ ngoài ra Nguyễn Thị Ngọc A thuê người làm thêm hai cái chìa khóa của cổng chính, cổng phụ, Nguyễn Thị Ngọc A ở tại nhà bà H nhưng vẫn thuê phòng trọ tại nhà trọ có biển hiệu DH tọa lạc tại tổ 6, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01/10/2020 Nguyễn Thị Ngọc A xin bà H nghỉ một ngày để vào nhà con gái nuôi là Nguyễn Thị N đám tang người quen. Đến khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 02/10/2020, bà H từ chợ B về nhà thì thấy cửa chính không khóa, kiểm tra trong nhà phát hiện cửa tủ quần áo chỉ khép không đóng và bị mất một số nữ trang chị cất trong tủ, cụ thể như sau:

1) Một vòng đeo tay bằng vàng 18K khoảng 02 chỉ
2) Một đôi bông tai bằng vàng 18K khoảng 4,5 phân
3) Một nhẫn bằng vàng 24K khoảng 5,2 phân
4) Một dây chuyền vàng 9999 khoảng 2,99 chỉ
5) Một dây chuyền vàng 18K khoảng 1,4 chỉ
6) Một vòng đeo tay vàng 18K khoảng 1,56 chỉ
7) Một vòng đeo tay bằng vàng 18K khoảng 3,84 chỉ
8) Một mặt dây chuyền bằng vàng 18K khoảng 0,38 chỉ
9) Một mặt dây chuyền bằng vàng 18K khoảng 1,16 chỉ
10) Một nhẫn vàng 18K khoảng 0,93 chỉ
11) Một nhẫn vàng 18K khoảng 0,6 chỉ
12) Một nhẫn vàng 18K khoảng 0,38 chỉ
13) Một nhẫn vàng 18K khoảng 0,91 chỉ
14) Một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,05 chỉ
15) Một đôi bông tai vàng 18K khoảng 0,52 chỉ
16) Một chiếc bông tai vàng 18K khoảng 0,1 chỉ
17) Một chiếc bông tai vàng 18K khoảng 0,1 chỉ
18) Một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,72 chỉ
19) Một nhẫn inox và một đôi bông tai inox

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định cửa nhà và cửa tủ trong nhà bà H không có dấu vết cạy phá. Triệu tập Nguyễn Thị Ngọc A để làm việc, A không thừa nhận việc chiếm đoạt tài sản của bà H. Đến khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 02/10/2020 ông Hồ Văn H1 là chồng của bà Nguyễn Thị N (bà N nhận làm con nuôi của Nguyễn Thị Ngọc A) đến nộp cho Cơ quan điều tra một chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K có đính mặt đá hình thoi, xung quanh có các viên đá màu trắng có trọng lượng 02 chỉ, do Nguyễn Thị Ngọc A đưa cho bà N vào sáng ngày 02/10/2020, do biết Nguyễn Thị Ngọc A bị Công an mời làm việc nên ông H1 đã đem đến giao nộp. Khám xét khẩn cấp nơi ở của A tại nhà trọ DH, thuộc tổ 6, khu phố P, phường A, thị xã B, tạm giữ được một cái nhẫn vàng 24K, có mặt hình trái tim có trọng lượng 0,52 chỉ và một cái bông tai bằng vàng 18K có 02 hình chữ "C" đan vào nhau có trọng lượng 0,23 chỉ. Qua đấu tranh, A khai nhận, vào khoảng cuối tháng 9 năm 2020, A nhặt nhẫn, bông tai và chiếc vòng dưới gầm tủ trong nhà bà H gần nơi bà H cất tài sản rồi đem về cất giấu sau đó đưa cho bà Nguyễn Thị N một chiếc vòng tay. Cơ quan điều tra đã tổ chức cho bà H nhận dạng, kết quả bà H đã nhận dạng được một vòng tay, một nhẫn, một bông tai thu hồi được là tài sản của bà H bị mất vào ngày 02/10/2020.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HDĐGTS ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: "Một vòng vàng 18K, có đính đá màu đỏ hình thoi, xung quanh mặt đá có nhiều viên đá màu trắng có trong lượng vàng 2 chỉ, trị giá 6.520.000 đồng; một nhẫn đeo tay vàng 24K, có mặt hình trái tim có trọng lượng 5,2 phân, trị giá 2.745.000 đồng; một bông tai vàng 18K có 2 hình chữ C đan vào nhau có trọng lượng 2,3 phân, trị giá 750.000 đồng. Tổng giá trị 10.015.000 đồng. Do hết thời hạn điều tra, truy tố nhưng chỉ chứng minh được Nguyễn Thị Ngọc A lén lút chiếm đoạt ba món nữ trang nêu trên nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã truy tố Nguyễn Thị Ngọc A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Tòa án nhân dân thị xã B đã thụ lý vụ, đưa vụ án ra xét xử và mở bốn phiên tòa. Đến ngày 22/3/2021, Nguyễn Thị Ngọc A xin gặp Điều tra viên, Kiểm sát viên khai nhận ngoài các tài sản đã làm rõ thu giữ được A còn chiếm đoạt một số nữ trang khác của bà H nên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 24/3/2021, Kiểm sát viên đã chủ động đề nghị với Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung do phát sinh tình tiết mới. Hội đồng xét xử đã chấp nhận trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Sau khi nhận hồ sơ để điều tra bổ sung, ngày 29/3/2021 Cơ quan điều tra đã trích xuất Nguyễn Thị Ngọc A đến nơi A cất giấu tài sản chiếm đoạt bà H, kết quả đã thu và tạm giữ được ở vị trí chân tường phía ngoài nhà bà Nguyễn Thị N tại tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước các tài sản sau:

1) Một dây chuyền vàng 9999 có trọng lượng 2,99 chỉ

2) Một dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 1,4 chỉ

3) Một vòng đeo tay vàng 18K có trọng lượng 1,56 chỉ
4) Một vòng đeo tay bằng vàng 18K có trọng lượng 3,84 chỉ
5) Một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,22 chỉ
6) Một mặt dây chuyền bằng vàng 18K có trọng lượng 0,38 chỉ
7) Một mặt dây chuyền bằng vàng 18K có trọng lượng 1,16 chỉ
8) Một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,93 chỉ
9) Một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,6 chỉ
10) Một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,38 chỉ
11) Một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,91 chỉ
12) Một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,05 chỉ
13) Một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,52 chỉ
14) Một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,1 chỉ
15) Một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,1 chỉ
16) Một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,72 chỉ
17) Một nhẫn inox và 01 đôi bông tai inox

Các tài sản thu hồi được vào ngày 29/3/2021 là tài sản của bà Trần Thị H bị mất vào ngày 02/10/2020. Cơ quan điều tra đã tổ chức cho bà H nhận dạng, kết quả bà H đã nhận dạng được.

Nguyễn Thị Ngọc A khai nhận vào ngày 01/10/2020, khi đang ở nhà của bà Trần Thị H, A sử dụng một cái kéo nhét vào ổ khóa và dùng tay kéo mở cA cửa tủ thấy có một hộp nhựa màu đỏ, bên trong hộp chứa nhiều trang sức nên lấy toàn bộ nữ trang cho vào một túi ny lon và cất trong túi áo khoác đang mặc, bỏ hộp nhựa vào thùng rác trước nhà bà H, sau đó về phòng trọ của mình cất giấu. Đến sáng ngày 02/10/2021, A nhờ Hồ Văn H1 điều khiển xe mô tô chở về phòng trọ, lấy số nữ trang đi vào nhà Nguyễn Thị N và đưa cho N một chiếc vòng tay bằng vàng 18K có trọng lượng 02 chỉ. Đối với một chiếc nhẫn, một chiếc bông tai Cơ quan điều tra khám xét thu giữ tại phòng trọ Nguyễn Thị Ngọc A thuê và quá trình bỏ vàng vào trong bịch đã làm rơi vãi ra nền phòng trọ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL - HDĐGTS ngày 06/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: Một dây chuyền vàng 9999 có trọng lượng 2,99 chỉ, có ghi JPTT 99% dài 47cm giá 14.146.000 đồng; một dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 1,4 chỉ có mặt hình trái tim và ba chiếc lá gắn bốn viên đá màu trắng có ghi maiha 48% dài 46cm giá 4.564.000 đồng; một lắc tay vàng 18K có trọng lượng 1,56 chỉ dạng hạt hình cầu dài 16cm giá 5.085.000 đồng; một lắc tay vàng 18K có trọng lượng 3,84 chỉ có 05 trái tim lớn và 05 trái tim nhỏ giá 12.518.000 đồng; một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,22 chỉ có họa tiết 02 hình chữ C đan vào nhau, có đính đá màu trắng giá 717.000 đồng; một mặt dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 0,38 chỉ hình trái táo có đính đá màu trắng giá 1.238.000 đồng; một mặt dây chuyền bằng vàng 18K có trọng lượng 1,16 chỉ có đính đá màu trắng và đính đá màu đỏ ở giữa giá 3.782.000 đồng; một nhẫn vàng 18K có trọng lượng

0,93 chỉ có đính đá màu hồng giá 3.031.000 đồng; một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,6 chỉ có họa tiết 02 hình chữ c đan vào nhau giá 1.956.000 đồng; một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,38 chỉ dạng hình chóp giá 1.239.000 đồng; một nhẫn vàng 18K có trọng lượng 0,91 chỉ dạng hình xoăn có đính đá màu trắng - đen giá 2.966.000 đồng; một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,05 chỉ có đính đá hình giọt nước giá 163.000 đồng; một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,52 chỉ có đính đá màu hồng giá 1.695.000 đồng; một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,1 chỉ đính đá màu trắng – xanh giá 326.000 đồng; một chiếc bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,1 chỉ hình tròn xoắn ốc có đính đá màu trắng giá 326.000 đồng; một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 0,72 chỉ có giá 2.347.000 đồng; một nhẫn inox giá 20.000 đồng; một đôi bông tai bằng inox giá 50.000 đồng. Tổng giá trị 56.169.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị Ngọc A đã chiếm đoạt được của bà Trần Thị H là 66.184.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị hại Trần Thị H toàn bộ số nữ trang thu hồi được và một ổ khóa Việt Tiệp là tài sản của bà H bị tạm giữ trong quá trình điều tra đúng quy định.

- Đối với một cái kéo A sử dụng cạy khóa A không nhớ để ở đâu và một hộp nhựa màu đỏ chứa nữ trang A bỏ vào thùng rác nên không thu hồi được.

- Đối với một áo thun cổ tròn màu đỏ - đen - trắng - hồng - xanh, cổ áo có nhãn hiệu "Roardish" là tài sản của Nguyễn Thị Ngọc A, đề nghị trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc A.

- Đối với một chìa khóa bằng kim loại màu trắng, một bịch nylon, một cục bông gòn không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự: Bà Trần Thị H đã nhận lại được các tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với việc bà Trần Thị H khai mất 19 món nữ trang nhưng Cơ quan điều tra làm rõ thu hồi được 20 món nữ trang là do có một đôi bông tai vàng 18K có trọng lượng 4,5 phân sau khi Nguyễn Thị Ngọc A chiếm đoạt đã làm rơi ở phòng trọ một chiếc (một bên bông tai) và một chiếc còn lại đưa đi cất giấu.

- Nguyễn Thị Ngọc A khai bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Đ có hành vi xúi giục A chiếm đoạt tài sản của bà H nhưng bà N và bà Đ không thừa nhận và không có chứng cứ, Cơ quan Công an đã tiến hành đối chất với nhưng không có kết quả nên không có cơ sở xử lý.

- Ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị N không biết một chiếc vòng tay mà Nguyễn Thị Ngọc A đưa là tài sản do chiếm đoạt, khi biết Công an triệu tập làm việc với A thì bà N và ông H1 đã đến giao nộp nên không xử lý.

Bản cáo trạng số: 01A/CT-VKS ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố Nguyễn Thị Ngọc A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ quyền công tố, giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A từ hai năm đến hai năm sáu tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã B, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi vào khoảng 5 giờ 20 phút, ngày 02/10/2020, bị cáo A sử dụng một cái kéo nhét vào ổ khóa và dùng tay kéo mở cA cửa tủ chiếm đoạt toàn bộ tài sản nữ trang của bà Trần Thị H đựng trong một cái hộp nhựa màu đỏ, bị cáo A bỏ tài sản chiếm đoạt được vào một túi ny lon màu đen và cất trong túi áo khoác đang mặc, bỏ hộp nhựa vào thùng rác trước nhà bà H, sau đó rời khỏi hiện trường và lại phòng trọ của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đơn tố giác tội phạm, lời khai người làm chứng trong vụ án về thời gian và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được. Tài sản bị cáo A chiếm đoạt của bà Trần Thị H theo các bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HDĐGTS ngày 08/10/2020 và bản kết luận định giá tài sản số 15/KL - HDĐGTS ngày 06/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 66.184.000đ (Sáu

mươi sáu triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng), đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã nhận thức và hối hận về hành vi sai trái của mình chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp, để chấp hành và sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình, có điều kiện sống cùng mẹ và các con.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khoảng 5 giờ 20 phút, ngày 02/10/2020 sau khi ông Hồ Văn H1 chở bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về đến cổng Nhà trọ có biển hiệu Thành Đạt, tại khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, bị cáo A đi bộ vào trong phòng trọ số 4, Nhà trọ Thành Đạt chuẩn bị dụng cụ sau đó đi bộ đến nhà của bà Trần Thị H, biết rõ lịch sinh hoạt hàng ngày của bà H nên bị cáo có chuẩn bị sẵn chìa khóa cửa ngoài, mở khóa vào nhà và vào trong phòng của bà H nơi bà H cất tài sản, dùng dụng cụ mang theo (Kéo) cạy cửa khóa tủ gỗ và chiếm đoạt toàn bộ số nữ trang của bà H đựng trong một cái hộp nhựa màu đỏ, bị cáo trút (Đổ) vào trong một cái bịch màu đen và rời khỏi hiện trường về lại phòng trọ số 4, nhà trọ DH, sau đó đổ tài sản vào một cái bịch màu trắng, do vội vàng đã rơi lại phòng trọ một cái nhẫn và một cái bông tai mà cơ quan Công an khi khám xét nơi ở thu giữ được. Đến khoảng 6 giờ 00 phút, ngày 02/10/2020, tại khu vực phòng trọ bị cáo gặp và mời ông Lê Văn H đi uống Cà phê đến khoảng 6 giờ 20 phút ngày 02/10/2021. Sau khi uống cà phê xong bị cáo trả tiền cà phê rồi đi bộ lên khu vực cây xăng Vật tư thuê xe ôm chở vào nhà của bà Miền và ông H1, khi đi bị cáo mang theo toàn bộ số vàng chiếm đoạt được (trừ một cái nhẫn và một cái bông tai rơi tại phòng trọ), đem đến nhà của bà N lấy ra một cái vòng đeo tay đưa cho bà N, số còn lại cất giấu phía sau nhà bà N tại tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước (BL 167). Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 29/3/2021 (BL số 325, 326, 327,328, 328 và 329). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Chỉ vì hoàn cảnh khó khăn bị cáo không làm chủ được hành vi của mình, đã nãy sinh lòng tham lên kế hoạch trước, đợi khi có thời cơ thực hiện, bị cáo xin bà H nghỉ làm một ngày để đi đám tang, thời gian nghỉ làm mục đích bị cáo chứng minh rằng mình đang có mặt tại tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước cách hiện trường vụ án khoảng 20km để chứng minh yếu tố ngoại phạm. Thời gian các lần xét xử bị cáo A cố tình không khai báo đúng sự việc. Vì tham lam, vụ lợi muốn chiếm đoạt tài sản của bà H để tiêu xài, bị cáo đã che đậy hành vi phạm tội.Trong quá trình điều tra, truy tố đã có giai đoạn bị cáo không trung thực, khai báo không đúng những tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, tuy nhiên trong các phiên tòa Hội đồng xét xử đấu tranh làm rõ hành vi, vận động, thuyết phục bị cáo thành khẩn khai nhận đã chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị H đúng như bà H tố giác. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi và hậu quả bị cáo A gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để

cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răng đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm cho một phần hình phạt lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đại diện Viện kiểm sát đề xuất mức án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Ngày 20/4/2021, tại Biên bản về việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, thi hành Quyết định xử lý vật chứng số 20 ngày 20/4/2021, đã trả lại trả lại cho bị hại bà Trần Thị H toàn bộ số nữ trang thu hồi được và 01 ổ khóa Việt Tiệp là tài sản của bà H bị tạm giữ trong quá trình điều tra là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với một áo thun cổ tròn màu đỏ - đen - trắng - hồng - xanh, cổ áo có nhãn hiệu "Roardish" là tài sản của bị cáo A, trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc A.

- Đối với một chìa khóa bằng kim loại màu trắng, một bịch nylon, một cục bông gòn không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trần Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A (Thanh) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc A (Thanh) 2 (Hai) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, (ngày 03/10/2020)

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A một áo thun cổ tròn màu đỏ - đen - trắng - hồng - xanh, cổ áo có nhãn hiệu "Roardish".

- Tịch thu tiêu hủy đối với một chìa khóa bằng kim loại màu trắng, một bịch nylon, một cục bông gòn không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0002664 ngày 21/01/2021 và biên bản giao nhận vật chứng số 0002682 ngày 24/5/2021 của Công an thị xã B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã B).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi Cục THA DSTX B;
- Phòng PV27 – CAT Bình Phước;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung **Trần Kim Phượng** **Lê Đình Tùng**

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0002664 ngày 21/01/2021 và biên bản giao nhận vật chứng số 0002682 ngày 24/5/2021 của Công an thị xã B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã B)